

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
 VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 06-05-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,104,200,000	99.12%
1	BMP	100	1.30%
2	BSI	100	0.40%
3	BWE	100	0.47%
4	CII	1,000	1.18%
5	CMG	200	0.58%
6	CTD	100	0.73%
7	CTR	100	0.78%
8	DBC	500	1.26%
9	DCM	300	0.91%
10	DGC	500	4.21%
11	DGW	300	0.89%
12	DIG	1,000	1.36%
13	DPM	400	1.22%
14	DSE	300	0.58%
15	DXG	1,600	2.21%
16	EIB	3,300	5.70%
17	EVF	1,600	1.42%
18	FRT	200	3.10%
19	FTS	400	1.37%
20	GEX	1,400	3.56%
21	GMD	800	3.91%
22	HAG	1,000	1.20%
23	HCM	800	1.82%
24	HDC	300	0.60%
25	HDG	400	0.85%
26	HHV	800	0.87%
27	HSG	1,100	1.45%
28	KBC	1,100	2.34%
29	KDC	300	1.52%
30	KDH	1,300	3.17%
31	MSB	4,900	4.95%
32	NAB	2,500	3.84%
33	NKG	800	0.89%
34	NLG	600	1.56%
35	NT2	200	0.33%
36	OCB	3,100	2.89%
37	PAN	300	0.62%
38	PC1	600	1.15%
39	PDR	900	1.26%
40	PHR	100	0.40%
41	PNJ	600	3.81%
42	POW	1,200	1.33%
43	PTB	100	0.44%
44	PVD	600	0.95%
45	PVT	400	0.78%
46	REE	300	1.90%
47	SBT	1,000	1.52%
48	SCS	100	0.54%
49	SIP	200	1.18%
50	SJS	200	1.57%
51	SZC	200	0.56%
52	TCH	800	1.22%
53	VCG	700	1.38%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
54	VCI	900	2.99%
55	VGC	100	0.36%
56	VHC	200	0.90%
57	VIX	2,900	3.24%
58	VND	2,400	3.20%
59	VPI	300	1.40%
60	VTP	100	1.00%
II.	Tiền/ Cash (VND)	9,758,805	0.88%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,113,958,805	100.00%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,104,200,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)

1,113,958,805

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)

9,758,805

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
OCB	11,440	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	77,880	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	77,550	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	27,885	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	25,300	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	40,700	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/Changes
	06-05-2025	05-05-2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,400,000	28,400,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,100	11,180	-80
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	316,364,300,779	309,779,294,693	6,585,006,086
của một lô ETF/per Creation Unit	1,113,958,805	1,090,772,164	23,186,641
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,139.58	10,907.72	231.86
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,788.94	1,792.43	-3.49

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/05/2025 /(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 05/05/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/05/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 04/05/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



Nguyễn Hoàng Anh
Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 07/05/2025